

PHỤ LỤC SỐ 03

TỔNG HỢP KINH PHÍ LƯƠNG HỢP ĐỒNG 111 THEO NGHỊ ĐỊNH 74/2024/NĐ-CP NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số:3129/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Thăng Bình)

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	SL HD 111	Chênh lệch tăng theo ND	BHXH, YT...	Số tháng	Số tiền 1 tháng	Tổng Số tiền	Ghi chú
1	Mẫu Giáo Hà Lam	10	220.000	51.700	6	271.700	16302000	Nguồn SNGD
2	Mầm non Hương Sen	9	220.000	51.700	6	271.700	14672000	
3	MGiáo Bình Dương	6	220.000	51.700	6	271.700	9781000	
4	Mẫu Giáo Bình Giang	7	220.000	51.700	6	271.700	11411000	
5	MGiáo Bình Nguyên	5	220.000	51.700	6	271.700	8151000	
6	Mẫu Giáo Bình Phục	7	220.000	51.700	6	271.700	11411000	
7	Mẫu Giáo Bình Triều	8	220.000	51.700	6	271.700	13042000	
8	Mẫu Giáo Bình Đào	8	220.000	51.700	6	271.700	13042000	
9	Mẫu Giáo Bình Minh	10	220.000	51.700	6	271.700	16302000	
10	Mẫu Giáo Bình Lãnh	5	220.000	51.700	6	271.700	8151000	
11	Mẫu Giáo Bình Trị	5	220.000	51.700	6	271.700	8151000	
12	MG Bình Định Bắc	4	220.000	51.700	6	271.700	6521000	
13	MG Bình Định Nam	4	220.000	51.700	6	271.700	6521000	
14	Mẫu Giáo Bình Phú	3	220.000	51.700	6	271.700	4891000	
15	Mẫu Giáo Bình Quý	8	220.000	51.700	6	271.700	13042000	
16	MGiáo Bình Chánh	4	220.000	51.700	6	271.700	6521000	
17	Mẫu Giáo Bình Tú	10	220.000	51.700	6	271.700	16302000	
18	Mẫu Giáo Bình Sa	7	220.000	51.700	6	271.700	11411000	
19	Mẫu Giáo Bình Hải	6	220.000	51.700	6	271.700	9781000	
20	Mẫu Giáo Bình Quế	5	220.000	51.700	6	271.700	8151000	
21	Mẫu Giáo Bình An	8	220.000	51.700	6	271.700	13042000	
22	MGiáo Bình Trung	8	220.000	51.700	6	271.700	13042000	
23	MG Bình Nam	9	220.000	51.700	6	271.700	14672000	
	CỘNG MẪU GIÁO	156	5.060.000	1.189.100	138	6.249.100	254.313.000	
1	Lương Thế Vinh	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
2	Trần Quốc Toàn	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
3	Kim Đồng	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
4	Lê Văn Tám	2	220.000	51.700	6	271.700	3.260.000	
5	Cao Bá Quát	3	220.000	51.700	6	271.700	4.891.000	
6	Trung Vương	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
7	Nguyễn Trãi	2	220.000	51.700	6	271.700	3.260.000	
8	Đoàn Bường	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
9	Lê Hồng Phong	2	220.000	51.700	6	271.700	3.260.000	
10	Nguyễn Thị Minh Khai	2	220.000	51.700	6	271.700	3.260.000	
11	Nguyễn Văn Cừ	3	220.000	51.700	6	271.700	4.891.000	
12	Nguyễn C Thanh	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
13	Nguyễn Văn Trỗi	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
14	Đinh Tiên Hoàng	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	

15	Nguyễn Khuyến	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
16	Nguyễn Thành	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
17	Trần Hưng Đạo	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
18	Phù Đồng	2	220.000	51.700	6	271.700	3.260.000	
19	Trần Phú	2	220.000	51.700	6	271.700	3.260.000	
20	Thái Phiên	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
21	TH Mạc Đình Chi	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
22	Lý Tự Trọng	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
23	Lê Lai	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
24	Nguyễn Du	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
25	Võ Thị Sáu	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
26	Hoàng Văn Thụ	2	220.000	51.700	6	271.700	3.260.000	
	CỘNG TIỂU HỌC	37	5.720.000	1.344.200	156	7.064.200	60.312.000	
1	Lê Quý Đôn	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
2	Lê Đình Chinh	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
3	Quang Trung	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
4	Huỳnh Thúc Kháng	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
5	Nguyễn Đình Chiểu	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
6	Ngô Quyền	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
7	Nguyễn Hiền	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
8	Phan Đình Phùng	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
9	Hoàng Hoa Thám						0	
10	Nguyễn Bá Ngọc	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
11	Nguyễn Duy Hiệu	2	220.000	51.700	6	271.700	3.260.000	
12	Trần Quý Cáp	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
13	Lê Lợi	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
14	Nguyễn Công Trứ	2	220.000	51.700	6	271.700	3.260.000	
15	Lý Thường Kiệt	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
16	Chu Văn An	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
17	Nguyễn Tri Phương	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
18	Hoàng Diệu	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
19	Phan Chu Trinh	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
20	Phan Bội Châu						0	
21	Nguyễn Bình Khiêm	1	220.000	51.700	6	271.700	1.630.000	
	CỘNG THCS	21	4.180.000	982.300	114	5.162.300	34.230.000	
	TỔNG CỘNG	214	14.960.000	3.515.600	408	18.475.600	348.855.000	

Ba trăm bốn mươi tám triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng.

